

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Ngọc	Phuong	3471010254	07/09/1990	,00			
2	Đinh Văn	Châu	3672050325	07/11/1993	5,00	2,70	3,40	
3	Trần	Tuấn	3771020340	16/04/1994	4,40	3,30	3,60	
4	Nguyễn Hồ Minh	Châu	3771020346	05/12/1993	5,20	2,20	3,10	
5	Phạm Văn	Danh	3771020353	21/05/1994	3,40	,70	1,50	
6	Nguyễn Kiều	Hung	3771020356	14/04/1994	4,00	1,20	2,00	
7	Nguyễn Thành	Vương	3771020359	01/06/1994	4,30	2,70	3,20	
8	Dương Minh	Cường	3771020365	02/01/1995	7,90	1,80	3,60	
9	Nguyễn Kim	Tâm	3771020370	13/09/1995	5,70	4,30	4,70	
10	Chu Đức	Anh	3771020377	18/06/1994	4,00	,00	1,20	CT
11	Hà Kim	Cương	3771020387	17/07/1993	5,80	1,60	2,90	
12	Phan Công	Lý	3771020397	25/08/1994	5,20	2,20	3,10	
13	Phạm Văn	Thông	3771020398	26/05/1995	7,30	2,20	3,70	
14	Trịnh Việt	Động	3771020411	08/11/1993	4,50	1,70	2,50	
15	Nguyễn Khắc	Hoàng	3771020414	22/12/1995	4,50	1,50	2,40	
16	Trần Ngọc	Trung	3771020421	01/11/1995	10,00	6,20	7,30	
17	Nguyễn Phúc	Lộc	3771020425	05/01/1994	,00	,00	,00	CT
18	Nguyễn Đức	Đương	3771020426	22/01/1995	5,90	4,70	5,10	
19	Hồ Văn	Quyền	3771020428	28/05/1995	4,20	2,70	3,20	
20	Nguyễn Đức	Trọng	3771020449	01/01/1995	3,60	4,30	4,10	
21	Nguyễn Tôn Bảo	Trình	3771020451	21/07/1995	,00	,00	,00	CT
22	Bùi Hữu	Phúc	3771020453	19/08/1994	1,20			
23	Lương Xuân	Hân	3771020455	16/07/1995	2,30	1,50	1,70	
24	Nguyễn Đình	Hòa	3771020466	28/06/1993	1,00			
25	Trần Đức	Thuận	3771020479	24/04/1995	4,40	3,10	3,50	
26	Phan Ngọc	Hung	3771020481	28/02/1994	7,70	6,20	6,70	
27	Lê Văn	Đồng	3771020483	05/05/1995	3,50	1,80	2,30	
28	Hồ Quốc	Chí	3771020485	09/09/1994	4,70	1,40	2,40	
29	Lê Thanh	Quân	3771020493	29/05/1995	6,50	2,30	3,60	
30	Nguyễn Hoàng	Huy	3771020495	18/02/1993	,00	,00	,00	CT
31	Lê Văn	Được	3771020497	20/10/1994	4,20	4,80	4,60	
32	Đinh Thế	Hào	3771020503	12/07/1995	5,40	5,00	5,10	
33	Trần Văn	Huy	3771020504	02/10/1995	3,90	3,60	3,70	
34	Nguyễn Thành	Trung	3771020506	17/01/1995	3,90	5,90	5,30	
35	Từ Quốc	Đạt	3771020509	25/06/1994	3,40	4,40	4,10	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Ngọc	Hùng	3771020512	18/05/1994	5,90	1,50	2,80	
37	Đỗ Duy	Thành	3771020513	25/06/1995	7,60	2,70	4,20	
38	Phan Thanh	Lam	3771020519	01/01/1994	4,60	3,00	3,50	
39	Nguyễn Hoàng	Nhon	3771020523	26/01/1993	3,80	3,30	3,50	
40	Phạm Khải	Thành	3771020530	28/10/1995	3,60	1,90	2,40	
41	Mai Quốc	Dân	3771020532	02/01/1994	6,10	3,90	4,60	
42	Nguyễn Hồng	Nghi	3771020534	16/09/1995	3,80	2,90	3,20	
43	Nguyễn Thanh	Công	3771020537	20/12/1995	3,10	3,30	3,20	
44	Trần Văn	Hưng	3771020548	08/11/1995	7,50	6,50	6,80	
45	Vũ Văn	Hưng	3771020551	14/04/1994	1,00	,10	,40	
46	Đồng Thị Ngọc	Vy	3771020553	21/10/1995	5,20	4,70	4,90	
47	Nguyễn Thành	Luân	3771020555	19/09/1995	5,40	5,10	5,20	
48	Bùi Phạm Hoàng	Tuấn	3771020563	28/01/1995	1,50			
49	Đoàn Sỹ	Đạt	3771020565	27/08/1995	3,50	1,80	2,30	
50	Lê Đình	Huân	3771020570	03/04/1995	6,50	4,40	5,00	
51	Nguyễn Văn Thái	Duy	3771020572	22/12/1995	,00	,00	,00	CT
52	Trần Đức	Mười	3771020574	11/11/1994	7,30	6,80	7,00	
53	Ông Văn	Hùng	3771020577	17/09/1994	2,60	2,40	2,50	
54	Huỳnh Văn	Phú	3771020581	15/02/1995	8,50	5,70	6,50	
55	Nguyễn Đức	Anh	3771020583	26/02/1994	5,00	3,40	3,90	
56	Phạm Nguyễn Hoàng	Thanh	3771020589	01/09/1995	3,20	1,00	1,70	
57	Diệp Từ	Huân	3771020591	28/11/1995	,00	,00	,00	CT
58	Nguyễn Bình	Nghinh	3771020595	08/09/1993	,00	,00	,00	CT
59	Lê Văn	Huy	3771020598	14/01/1993	1,80			
60	Đoàn Văn	Huyện	3771020600	18/10/1995	5,90	2,10	3,20	
61	Nguyễn Văn	Hạnh	3771020603	10/08/1991	5,30	2,50	3,30	
62	Nguyễn Thanh	Bình	3771020606	02/04/1993	5,50	3,70	4,20	
63	Nguyễn Việt	Kiều	3771020607	25/05/1995	1,40	2,10	1,90	
64	Phan Tấn	Vinh	3771020612	12/09/1995	4,30	3,90	4,00	
65	Lê Ngọc	Hải	3771021073	28/08/1995	5,10	,00	1,50	CT
66	Trần Thế	Phúc	3771021083	01/04/1995	4,20	2,50	3,00	
67	Phạm Tấn	Thụy	3771021106	01/01/1995	3,90	1,60	2,30	
68	Nguyễn Thanh	Quốc	3771021144	12/11/1993	6,30	2,20	3,40	
69	Trần Thái	Sang	3771021148	28/10/1990	7,10	3,20	4,40	
70	Nguyễn Minh	Chánh	3771021266	30/07/1993	5,60	2,60	3,50	
71	Đàm Mạnh	Hoàng	3771021310	23/08/1995	3,40	4,60	4,20	
72	Trương Hoàng	Phúc	3771021426	26/03/1995	6,20	2,80	3,80	
73	Nguyễn Khắc	Phú	3771021444	14/01/1994	7,00	2,90	4,10	
74	Nguyễn Thành	Giàu	3771022040	21/09/1995	3,30	,90	1,60	
75	Nguyễn Huỳnh Tam	Cang	3771022041	13/02/1995	5,20	2,20	3,10	

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Thanh Quý	3771050208	06/09/1994	5,20	2,10	3,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)